

SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC GIẢNG DẠY MICROSOFT OFFICE NÂNG CAO NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO SINH VIÊN NGOÀI CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC

HOÀNG PHƯƠNG THẢO
Trường Đại học Hà Nội

Nhận bài ngày 02/10/2025. Sửa chữa xong 05/11/2025. Duyệt đăng 10/11/2025.

Abstract

In the era of digital transformation, proficiency in Microsoft Office is considered an essential component of digital competence for university students, particularly those outside the Information Technology field. Despite basic informatics training in general education, many students still struggle to use Word, Excel, and PowerPoint effectively for academic and professional tasks. This study evaluates the importance of integrating advanced Microsoft Office training into higher education curricula to improve digital skills among non-IT students. Using a mixed-methods approach, including a survey of 200 students and interviews with 10 IT instructors, the findings reveal major skill gaps: limited confidence in using MS Office, difficulties creating automatic tables of contents in Word, weak Excel skills, and mostly basic-level PowerPoint use. These results highlight a clear mismatch between general education digital skills and university-level requirements. The study confirms the necessity of offering advanced MS Office training to standardize digital competence and enhance students' adaptability in an increasingly digital workforce.

Keywords: Digital competence, higher education, microsoft office, non-IT students, office computing skills.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, năng lực sử dụng công nghệ thông tin (CNTT), đặc biệt là các phần mềm văn phòng trong bộ Microsoft Office (Word, Excel, PowerPoint), đã vượt xa phạm vi của một kỹ năng đơn thuần. Đây không chỉ còn là một lợi thế hỗ trợ giúp người học hoàn thành công việc hiệu quả hơn, mà đã trở thành một trong những năng lực số cốt lõi, đóng vai trò nền tảng để người học có thể thích ứng với môi trường học tập, nghiên cứu và làm việc trong kỷ nguyên 4.0. Theo Khung năng lực số cho nhà giáo và người học do Ủy ban Châu Âu (European Commission) và UNESCO công bố, khả năng khai thác hiệu quả các công cụ kỹ thuật số phổ biến, bao gồm cả MS Office, được xem là yếu tố trọng yếu của năng lực học tập và nghề nghiệp trong thế kỷ 21 [10, tr. 20], [4, tr. 9].

Việc thành thạo các ứng dụng thuộc bộ Microsoft Office cho phép người học thực hiện đa dạng các nhiệm vụ học thuật và chuyên môn, chẳng hạn như soạn thảo và định dạng luận văn, báo cáo học thuật, thiết lập các bảng tính để thống kê, phân tích dữ liệu hoặc thiết kế các bài trình bày chuyên nghiệp phục vụ hội nghị, bảo vệ khóa luận, hay các dự án nhóm. Bên cạnh đó, kỹ năng sử dụng thành thạo Word, Excel và PowerPoint còn góp phần quan trọng trong việc hình thành tư duy logic, khả năng trình bày có hệ thống và năng lực truyền đạt thông tin hiệu quả - những yêu cầu không thể thiếu đối với sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cạnh tranh nghề nghiệp toàn cầu ngày nay.

Tại Việt Nam, trong xu hướng đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực người học, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) đã chính thức tích hợp nội dung tin học ứng dụng - bao gồm các kỹ năng sử dụng phần mềm văn phòng - vào chương trình giảng dạy từ cấp trung học cơ sở đến trung học phổ thông [1, tr. 25]. Mục tiêu của việc tích hợp này là giúp học sinh hình thành kiến

Email: dtdung@ttn.edu.vn

thức nền tảng và kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin, tạo tiền đề để tiếp cận các yêu cầu học tập và nghề nghiệp trong tương lai. Chính điều đó đã dẫn đến quan điểm phổ biến trong một số cơ sở đào tạo đại học rằng: sinh viên khi bước vào bậc học cao hơn đã được trang bị đầy đủ kỹ năng tin học văn phòng cơ bản, do đó không cần thiết phải tái đào tạo nội dung này trong chương trình đại học, đặc biệt là với sinh viên không thuộc khối ngành CNTT.

Tuy nhiên, thực tiễn đào tạo tại nhiều trường đại học lại cho thấy một nghịch lý đáng chú ý. Dù đã được học về MS Office ở bậc phổ thông, nhưng phần lớn sinh viên - đặc biệt là nhóm sinh viên khối ngành xã hội, ngôn ngữ, giáo dục hoặc kinh tế vẫn gặp nhiều khó khăn khi vận dụng các phần mềm văn phòng vào hoạt động học tập và nghiên cứu chuyên sâu. Không ít sinh viên chưa nắm được các quy chuẩn định dạng báo cáo học thuật theo APA hoặc MLA, không biết sử dụng Excel để xử lý và trực quan hóa dữ liệu, hoặc chưa có khả năng thiết kế bài thuyết trình có tính chuyên nghiệp và thẩm mỹ cao. Thực tế này phản ánh rõ khoảng cách giữa nội dung đào tạo tin học phổ thông và yêu cầu kỹ năng thực tiễn ở bậc đại học, đồng thời cho thấy sự thiếu hụt trong quá trình phát triển năng lực số ở cấp học cao hơn.

Từ những vấn đề nêu trên, bài viết đặt ra một câu hỏi mang tính thực tiễn và cấp thiết: *Liệu việc giảng dạy Microsoft Office trong chương trình đào tạo đại học hiện nay còn cần thiết hay không, đặc biệt là đối với sinh viên không thuộc chuyên ngành CNTT?* Để trả lời câu hỏi này, nghiên cứu tiến hành phân tích cơ sở lý luận, khảo sát thực tiễn tại các trường đại học, đồng thời đối chiếu với yêu cầu của thị trường lao động hiện đại, qua đó làm rõ tính tất yếu của việc tiếp tục tích hợp và nâng cao kỹ năng MS Office trong chương trình đào tạo đại học. Mục tiêu cuối cùng là hướng đến việc đề xuất các định hướng giảng dạy phù hợp, vừa đảm bảo tính thực hành và ứng dụng, vừa góp phần nâng cao năng lực số, khả năng thích ứng nghề nghiệp và tư duy học tập suốt đời cho sinh viên trong thời kỳ chuyển đổi số giáo dục.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khung năng lực số cơ bản cho sinh viên đại học

Trong bối cảnh toàn cầu hóa mạnh mẽ và quá trình chuyển đổi số diễn ra sâu rộng trên toàn thế giới, việc trang bị năng lực số cho SV đại học trở thành một yêu cầu thiết yếu và mang tính chiến lược trong giáo dục đại học hiện đại. Năng lực số không chỉ là khả năng sử dụng máy tính hay phần mềm đơn thuần, mà còn là một hệ thống kỹ năng toàn diện, giúp người học có thể thích nghi, sáng tạo và phát triển trong môi trường số không ngừng biến động.

Theo Khung năng lực số dành cho công dân Châu Âu - DigComp 2.0 do Ủy ban Châu Âu ban hành [4, tr. 6-7], năng lực số được cấu trúc thành năm nhóm kỹ năng cốt lõi gồm: Khả năng xử lý thông tin và dữ liệu: bao gồm kỹ năng tìm kiếm, đánh giá, quản lý và sử dụng thông tin một cách có hiệu quả và có đạo đức; Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số: đề cập đến khả năng tương tác, cộng tác và tham gia hiệu quả vào các nền tảng trực tuyến; Tạo lập nội dung số: bao gồm soạn thảo, chỉnh sửa và tích hợp các nội dung kỹ thuật số từ nhiều nguồn khác nhau; Bảo đảm an toàn số: liên quan đến nhận thức và hành vi đúng đắn trong bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và sức khỏe khi tham gia môi trường trực tuyến; Giải quyết vấn đề trong môi trường công nghệ: bao gồm tư duy phản biện và khả năng áp dụng các công cụ số để giải quyết các tình huống học thuật hoặc nghề nghiệp.

Trong thực tiễn đào tạo ở bậc đại học, ba nhóm kỹ năng - soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu và trình bày nội dung số - đóng vai trò đặc biệt quan trọng và thường được xem là nền tảng cho việc phát triển các năng lực số cao hơn. Các kỹ năng này có thể được hình thành và rèn luyện thông qua việc sử dụng hiệu quả các phần mềm văn phòng phổ biến như Microsoft Word, Excel và PowerPoint. Chẳng hạn, sinh viên cần biết cách soạn thảo văn bản học thuật với định dạng đúng chuẩn (như APA, MLA), trình bày bảng biểu và trích dẫn chính xác bằng Word; sử dụng Excel để xử lý dữ liệu định lượng, vẽ biểu đồ và phân tích kết quả nghiên cứu; hoặc thiết kế bài thuyết trình bằng PowerPoint sao cho sinh động, mạch lạc và có sức thuyết phục cao trong các tình huống bảo vệ khóa luận, trình bày dự án nhóm hoặc diễn đạt ý tưởng sáng tạo.

Ngoài yếu tố kỹ thuật, việc sử dụng thành thạo các công cụ MS Office còn phản ánh năng lực học

tập chủ động, tư duy hệ thống và khả năng thích nghi với môi trường học tập và làm việc hiện đại. Theo Coşkunserçe & Aydoğdu (2022) [3, tr. 1222], nhóm *kỹ năng số phục vụ học tập* của SV bao gồm việc sử dụng các công cụ số để chuẩn bị bài tập, báo cáo, dự án, cũng như thực hiện các bài thuyết trình và nghiên cứu trên Internet. Nói cách khác, năng lực thành thạo trong việc vận dụng các phần mềm văn phòng và nền tảng số không chỉ hỗ trợ sinh viên nâng cao kết quả học tập mà còn góp phần phát triển sự tự tin trong giao tiếp học thuật và tạo tiền đề để họ thích ứng với môi trường học tập, làm việc số hóa hiện nay.

Vì vậy, việc giảng dạy kỹ năng sử dụng các công cụ văn phòng không nên bị xem là lặp lại nội dung của chương trình phổ thông, mà cần được tích hợp như một phần thiết yếu trong lộ trình phát triển năng lực số toàn diện của SV đại học. Quá trình này cần được triển khai theo hướng thực hành chuyên sâu, gắn với chuẩn đầu ra, yêu cầu nghề nghiệp và các khung năng lực quốc tế nhằm chuẩn bị tốt nhất cho người học bước vào thị trường lao động kỹ thuật số đang không ngừng mở rộng và thay đổi.

2.1.2. Sự khác biệt giữa giáo dục phổ thông và giáo dục đại học

Giáo dục phổ thông và giáo dục đại học có sự khác biệt rõ rệt về mục tiêu đào tạo, nội dung giảng dạy cũng như phương pháp tiếp cận kỹ năng số của người học. Ở bậc phổ thông, mục tiêu chính là trang bị cho học sinh (HS) nền tảng kiến thức phổ quát và những kỹ năng cơ bản nhằm đáp ứng các chuẩn đầu ra tối thiểu mang tính phổ cập. Việc dạy và học tin học - bao gồm các phần mềm văn phòng như Microsoft Word, Excel và PowerPoint - chủ yếu dừng lại ở mức độ giới thiệu công cụ, làm quen với giao diện và thao tác cơ bản. Chương trình thường mang tính khái quát, thiếu điều kiện để HS thực hành chuyên sâu, đồng thời ít gắn với tình huống học thuật hoặc nghề nghiệp thực tế [1, tr. 24-25].

Ngược lại, giáo dục đại học hướng tới mục tiêu cao hơn: phát triển năng lực tư duy phản biện, kỹ năng nghiên cứu, khả năng giải quyết vấn đề và thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp và biến động [7, tr. 6-7]. Trong bối cảnh đó, yêu cầu về kỹ năng tin học văn phòng ở bậc đại học không chỉ đơn thuần là thao tác phần mềm, mà cần gắn với năng lực học thuật và năng lực nghề nghiệp. SV không chỉ cần biết cách mở một file Word hay soạn một văn bản thông thường mà còn phải biết cách trình bày luận văn tốt nghiệp theo chuẩn APA hoặc MLA, định dạng văn bản khoa học, tạo mục lục tự động, quản lý tài liệu tham khảo bằng phần mềm hỗ trợ trích dẫn.

Tương tự, Excel không còn chỉ là công cụ nhập liệu đơn thuần mà phải được sử dụng để thực hiện các phép tính thống kê, xử lý dữ liệu khảo sát trong nghiên cứu định lượng, hoặc lập bảng ngân sách cho đề án kinh doanh. PowerPoint cũng phải được khai thác ở mức cao hơn, phục vụ thiết kế bài thuyết trình sinh động, logic, chuyên nghiệp để trình bày ý tưởng dự án hoặc bảo vệ khóa luận, đồng thời kết hợp hiệu ứng trực quan, biểu đồ và hình ảnh minh họa thuyết phục.

Những yêu cầu đó vượt xa mức độ kỹ năng được đào tạo ở bậc phổ thông, khiến SV - đặc biệt là nhóm không thuộc chuyên ngành Công nghệ thông tin - gặp khó khăn khi bước vào môi trường đại học nếu không được trang bị lại một cách hệ thống và chuyên sâu. Vì vậy, việc tiếp tục đưa nội dung đào tạo tin học văn phòng, đặc biệt là Microsoft Office, vào chương trình giáo dục đại học là một việc cần thiết và mang tính chiến lược. Tuy nhiên, việc đào tạo này cần được thiết kế lại theo định hướng nâng cao, gắn với yêu cầu thực tiễn và chuẩn đầu ra nghề nghiệp, thay vì lặp lại những nội dung phổ thông đã học.

Bên cạnh đó, việc phát triển năng lực số trong môi trường đại học cần đặt trong tổng thể liên thông với chương trình phổ thông, hướng tới sự tích hợp trong toàn bộ quá trình học tập suốt đời. Khi đó, kỹ năng sử dụng phần mềm văn phòng không còn là môn học phụ trợ, mà trở thành một phần không thể thiếu trong bộ năng lực cốt lõi của công dân số thế kỷ 21.

2.2. Khảo sát thực tiễn

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai dựa trên sự kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu lý luận và phương pháp khảo sát thực tiễn nhằm đảm bảo tính toàn diện và độ tin cậy của kết quả.

Thứ nhất, phương pháp phân tích, tổng hợp lý luận được sử dụng để hệ thống hóa các khái niệm về

năng lực số, vai trò của kỹ năng tin học văn phòng, sự khác biệt giữa yêu cầu tin học ở phổ thông và đại học, cũng như phân tích các khung năng lực quốc tế như DigComp 2.0, DigCompEdu, UNESCO ICT-CFT. Các tài liệu chính sách trong nước như Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2018 [1, tr. 24-25] và Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản của Bộ KH&CN [2] cũng được phân tích nhằm xác định mức độ tương thích giữa chuẩn đầu ra ở từng cấp học.

Thứ hai, phương pháp đối chiếu, so sánh được triển khai để phân tích sự chênh lệch giữa năng lực tin học văn phòng được hình thành từ bậc phổ thông và yêu cầu sử dụng công nghệ trong bối cảnh học thuật đại học và môi trường nghề nghiệp. Việc đối chiếu này dựa trên các tiêu chí của OECD (2018) [7, tr. 6-7] và UNESCO (2018) [10, tr. 55-56].

Thứ ba, phương pháp khảo sát định lượng kết hợp định tính được áp dụng nhằm thu thập dữ liệu thực tiễn từ SV và GV. 200 SV thuộc các khối ngành ngôn ngữ và kinh tế của Trường Đại học Hà Nội tham gia khảo sát trực tuyến. Đồng thời, 10 GV thuộc các khoa khác nhau được phỏng vấn bán cấu trúc để bổ sung góc nhìn chuyên môn. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện được sử dụng, sau đó dữ liệu được phân tích theo tỷ lệ phần trăm kết hợp phân tích nội dung định tính nhằm làm rõ mức độ thành thạo và những khó khăn trong sử dụng MS Office của SV.

Việc kết hợp đa dạng các phương pháp nghiên cứu giúp đảm bảo rằng những nhận định trong bài viết không chỉ dựa trên tư liệu thứ cấp mà còn được kiểm chứng bằng bằng chứng thực tiễn, đáp ứng yêu cầu khách quan và độ tin cậy của một bài báo khoa học.

2.2.2. Kết quả khảo sát và phân tích

Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy một thực trạng đáng lưu ý về khoảng cách giữa kiến thức tin học phổ thông và năng lực ứng dụng trong môi trường học thuật đại học:

Tỷ lệ tiếp cận ban đầu: 67% SV được khảo sát cho biết đã từng học các kỹ năng tin học văn phòng cơ bản trong chương trình giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, chỉ có 28% cảm thấy tự tin khi sử dụng Word, Excel hoặc PowerPoint để thực hiện các nhiệm vụ học thuật như soạn thảo bài luận, xử lý số liệu hoặc trình bày kết quả nghiên cứu.

Kỹ năng cụ thể còn hạn chế: Có tới 42% SV không biết cách tạo mục lục tự động hoặc định dạng văn bản theo chuẩn APA/MLA trong Word - một yêu cầu phổ biến khi viết báo cáo học thuật; 55% SV không thành thạo các hàm cơ bản trong Excel, đặc biệt là các hàm xử lý dữ liệu như SUM, AVERAGE, IF, VLOOKUP ... điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phân tích và minh họa số liệu; 61% SV thừa nhận rằng họ chỉ biết tạo slide PowerPoint ở mức đơn giản, thiếu kỹ năng thiết kế trực quan, biểu đồ, liên kết nội dung với mục tiêu trình bày - yếu tố quan trọng trong các bài thuyết trình học thuật và dự án nhóm.

Phản hồi từ GV: Các GV tham gia phỏng vấn đều đồng ý rằng có một khoảng trống khá rõ trong năng lực ứng dụng tin học văn phòng của SV không phải chuyên ngành CNTT. Họ cho biết SV thường xuyên gặp khó khăn trong việc định dạng bài báo cáo theo chuẩn khoa học, trình bày logic trong PowerPoint hoặc sử dụng công cụ phân tích dữ liệu như Pivot Table trong Excel. Một GV chia sẻ: "Dù đã học tin học ở phổ thông, nhưng khi yêu cầu làm báo cáo học thuật theo chuẩn đại học, nhiều SV không biết bắt đầu từ đâu".

Những kết quả khảo sát này cho thấy, việc từng học MS Office trong chương trình phổ thông chưa đủ để đáp ứng yêu cầu học thuật và nghề nghiệp ở bậc đại học. Điều này phù hợp với các nghiên cứu quốc tế như của Coşkunserçe & Aydoğdu (2022) [3, trang 1221] và UNESCO. (2018) [10, tr. 55-56], khi nhấn mạnh rằng năng lực số cần được phát triển theo bối cảnh sử dụng - từ mức độ cá nhân đến học thuật và chuyên môn.

2.3. Bàn luận

Kết quả khảo sát thực tế phản ánh rõ nét một vấn đề đang đặt ra đối với quá trình phát triển năng lực số của SV: việc được học hoặc được giới thiệu về bộ công cụ Microsoft Office tại bậc phổ thông không đảm bảo khả năng vận dụng thành thạo trong môi trường học thuật và nghề nghiệp ở bậc đại học. Dữ liệu thu được cho thấy dù 67% SV đã có trải nghiệm trước đó với Word, Excel, PowerPoint, chỉ

28% SV tự tin sử dụng các công cụ này cho các nhiệm vụ học thuật đòi hỏi độ chính xác và tiêu chuẩn cao, như viết bài luận, lập báo cáo nhóm hoặc chuẩn bị bài thuyết trình học kỳ.

Khoảng cách này thể hiện rõ ở ba nhóm kỹ năng thiết yếu. Thứ nhất, 42% SV không biết cách tạo mục lục tự động hay định dạng văn bản theo chuẩn APA/MLA trong Word – những yêu cầu cơ bản khi trình bày luận văn, báo cáo khoa học. Thứ hai, 55% SV gặp khó khăn với các hàm Excel như SUM, AVERAGE, IF hoặc VLOOKUP, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng xử lý dữ liệu định lượng – một kỹ năng trọng yếu trong nghiên cứu. Thứ ba, 61% SV chỉ sử dụng PowerPoint ở mức đơn giản, thiếu kỹ năng thiết kế trực quan và trình bày logic, dẫn đến chất lượng bài thuyết trình thấp, thiếu tính thuyết phục. Như vậy, số liệu khảo sát cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa “đã học” và “biết cách ứng dụng”, đồng thời phản ánh sự thiếu hụt trong quá trình hình thành năng lực số toàn diện của sinh viên không chuyên CNTT.

Nguyên nhân của thực trạng này bắt nguồn từ nhiều yếu tố. Trước hết, chương trình Tin học ở bậc phổ thông - dù đã được điều chỉnh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 - vẫn chủ yếu tập trung vào việc cung cấp kiến thức cơ bản, với thời lượng hạn chế và ít gắn kết với tình huống thực tiễn [1, tr.28-29]. Điều kiện cơ sở vật chất tại nhiều trường phổ thông chưa đáp ứng tốt, khiến học sinh ít có cơ hội thực hành thường xuyên và phát triển kỹ năng ở mức độ cao hơn.

Bên cạnh đó, yêu cầu của giáo dục đại học đã mở rộng theo hướng nhấn mạnh năng lực tư duy phản biện, nghiên cứu và ứng dụng. Sử dụng MS Office ở đại học không chỉ là thao tác kỹ thuật mà là năng lực học thuật: trình bày báo cáo theo chuẩn APA, phân tích dữ liệu khảo sát, trực quan hóa biểu đồ, hoặc thiết kế bài trình bày mang tính học thuật và chuyên nghiệp [3, tr. 1222]. Những yêu cầu này nằm ngoài phạm vi chương trình phổ thông vốn chỉ dừng ở mức độ làm quen và thao tác cơ bản.

Một yếu tố khác cần xem xét là sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ. Sự xuất hiện của Microsoft 365 Copilot - công cụ tích hợp AI hỗ trợ xử lý văn bản, phân tích dữ liệu và thiết kế thuyết trình - đang đặt ra những đòi hỏi mới về năng lực số. Nếu không được hướng dẫn đúng cách trong môi trường đại học, SV dễ rơi vào tình trạng “biết cũ - dùng sai”, không theo kịp các công cụ hiện đại giúp nâng cao năng suất và chất lượng học thuật (Microsoft, 2023) [6].

Những phân tích trên cho thấy việc tiếp tục dạy và nâng cao kỹ năng MS Office trong chương trình đại học không chỉ cần thiết mà còn mang tính chiến lược, đặc biệt đối với SV không thuộc chuyên ngành CNTT. Việc thiết kế lại học phần theo hướng nâng cao - gắn với chuẩn đầu ra, yêu cầu nghề nghiệp và khung năng lực số quốc gia [2] - sẽ giúp sinh viên phát triển năng lực số thực chất, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động số hóa.

2.4. Kết luận và kiến nghị

Trong bối cảnh giáo dục đại học đang chuyển mình mạnh mẽ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội số, việc giảng dạy và phát triển kỹ năng sử dụng các công cụ tin học văn phòng như Microsoft Office (Word, Excel, PowerPoint) trở thành một nhiệm vụ trọng tâm và có tính chiến lược. Điều này đặc biệt quan trọng đối với nhóm SV không thuộc chuyên ngành Công nghệ thông tin, khi phần lớn các hoạt động học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn hiện nay đều gắn liền với thao tác số. Mục tiêu của việc đào tạo không chỉ dừng lại ở mức truyền đạt kỹ năng kỹ thuật cơ bản, mà hướng đến phát triển năng lực số toàn diện, bao gồm khả năng biên soạn văn bản học thuật theo chuẩn, năng lực phân tích – trực quan hóa dữ liệu, cũng như khả năng trình bày và truyền đạt thông tin một cách rõ ràng, mạch lạc và thuyết phục [10, tr. 55-56], [8, tr. 17-18]. Đây là những yêu cầu cốt lõi để SV có thể thích ứng với môi trường học thuật khắt khe và thị trường lao động đang thay đổi nhanh chóng.

Thực tiễn đào tạo tại nhiều cơ sở giáo dục cho thấy dù SV đã tiếp cận Microsoft Office từ bậc phổ thông, song sự vận dụng vào các nhiệm vụ mang tính học thuật ở đại học vẫn còn hạn chế. Kết quả khảo sát và các nghiên cứu gần đây cũng nhấn mạnh khoảng cách đáng kể giữa kỹ năng tin học phổ thông và năng lực ứng dụng tin học trong môi trường giáo dục đại học. Điều này cho thấy SV cần được hỗ trợ thông qua quá trình đào tạo có tính hệ thống, chuyên sâu, thay vì chỉ dựa vào kiến thức nền tảng đã học trước đó. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh của công nghệ, đặc biệt là việc tích hợp trí tuệ nhân

tạo vào bộ công cụ Office thông qua AI Copilot, đặt ra yêu cầu SV cần được cập nhật kịp thời để khai thác hiệu quả những tính năng mới thay vì duy trì cách sử dụng cũ, thiếu tối ưu.

Từ những phân tích trên, nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng MS Office tại bậc đại học:

Thứ nhất, các trường đại học cần thiết kế và triển khai học phần “Ứng dụng Công nghệ thông tin” (hoặc các học phần tương tự như “Tin học cơ sở”, “Tin học ứng dụng”) theo hướng cập nhật và hiện đại hóa nội dung, chú trọng phát triển năng lực thực hành và khả năng ứng dụng thực tế. Việc áp dụng các phương pháp giảng dạy như học tập dựa trên dự án (Project-based learning) kết hợp đánh giá theo chuẩn đầu ra năng lực số sẽ giúp SV vận dụng MS Office vào các bối cảnh phong phú hơn và đạt được sự tiến bộ rõ rệt [5, tr. 22-23, 37].

Thứ hai, cần tổ chức khảo sát hoặc kiểm tra năng lực đầu vào cho SV năm nhất nhằm đánh giá mức độ thành thạo tin học văn phòng, từ đó phân nhóm đào tạo phù hợp theo hai hướng: cơ bản (Foundation) và nâng cao (Advanced). Cách phân tầng này giúp tối ưu hóa quá trình dạy – học, tránh dàn trải, đồng thời đảm bảo SV ở các mức năng lực khác nhau đều đạt được chuẩn tối thiểu về năng lực số.

Thứ ba, khuyến khích tích hợp việc sử dụng MS Office vào các học phần thuộc chuyên ngành khác nhau. Chẳng hạn, SV có thể sử dụng Word để viết báo cáo nghiên cứu, Excel để phân tích dữ liệu thực nghiệm, hay PowerPoint để trình bày đồ án hoặc kết quả nghiên cứu theo tiêu chuẩn chuyên nghiệp. Việc lồng ghép này vừa tăng tính thực tiễn, vừa tạo cơ hội để SV thấy rõ giá trị của kỹ năng số đối với sự phát triển học thuật và nghề nghiệp của bản thân, đồng thời gia tăng động lực học tập theo khuyến nghị của Coşkunserçe & Aydoğdu (2022) [3, tr. 1222].

Tổng thể, việc giảng dạy Microsoft Office trong giáo dục đại học không nên bị hiểu sai như một hoạt động “lặp lại kiến thức phổ thông”, mà cần được nhìn nhận như một bước thiết yếu để chuẩn hóa, hiện đại hóa và nâng cao năng lực số của SV – năng lực quan trọng bậc nhất đối với công dân trong thời kỳ chuyển đổi số toàn diện.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [2] Bộ Khoa học và Công nghệ (2025). *Quyết định số 757/QĐ-BKH-CN, ngày 29/4/2025 ban hành Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản và hướng dẫn đánh giá, xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số*.
- [3] Coşkunserçe, O. & Aydoğdu, Ş. (2022). *Investigating the digital skills of undergraduate students in terms of various variables*. Journal of Educational Technology & Online Learning, 5(4), 1219-1237. Nguồn: EJ1379037.pdf
- [4] European Commission. (2016). *DigComp 2.0: The Digital Competence Framework for Citizens* (Y. Punie, Ed.). Publications Office of the European Union. Nguồn: <https://publications.jrc.ec.europa.eu/repository/handle/JRC101254>
- [5] European Commission. (2017). *European Framework for the Digital Competence of Educators: DigCompEdu* (C. Redecker, Ed.). Publications Office of the European Union. Nguồn: <https://publications.jrc.ec.europa.eu/repository/handle/JRC107466>
- [6] Microsoft. (2023). *Introducing Microsoft 365 Copilot – your copilot for work*. Microsoft. Nguồn: <https://www.microsoft.com/en-us/microsoft-365/blog/2023/03/16/introducing-microsoft-365-copilot>
- [7] Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD). (2018). *The future of education and skills: Education 2030 – The future we want*. OECD Publishing. Nguồn: <https://www.oecd.org/education/2030>
- [8] OECD. (2021). *21st-century readers: Developing literacy skills in a digital world*. OECD Publishing. Nguồn: <https://doi.org/10.1787/a83d84cb-en>.
- [9] Saha, P., & cộng sự. (2022). *Effectiveness of in-class Excelbased active learning activities for transportation engineering courses*. *Frontiers in Education*. 7. 879174. Nguồn: <https://doi.org/10.3389/educ.2022.879174>
- [10] UNESCO. (2018). *ICT competency framework for teachers*. Version 3. UNESCO Publishing. Nguồn: <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000265721>